

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành tiếng Trung Quốc

Mã ngành: 5220209

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp trung cấp trở lên, có đủ sức khỏe để học tập. Học sinh tốt nghiệp THCS học các môn văn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tốt nghiệp trung cấp trở lên được miễn học các môn học chung.

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Có trình độ tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) tương đương với bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Chương trình trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản có thể giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn tiếng Trung Quốc ở các ngành nghề, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch bằng tiếng Trung Quốc

- Có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Trung Quốc, có thể thực hiện được nhiệm vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch/vận dụng tốt kiến thức trong các lĩnh vực thông thương.

- Làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm một cách thành thạo.

1.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp khóa học, người học được cấp bằng trung cấp ngành tiếng Trung Quốc, có khả năng làm việc tại các văn phòng cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch ... có sử dụng tiếng Trung Quốc ở trình độ trung cấp.

- Người học có đủ điều kiện để học liên thông lên bậc học cao hơn ngành tiếng Trung Quốc theo quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 19

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:
 - + Người đã có bằng tốt nghiệp THPT: 50 Tín chỉ
 - + Người đã có bằng tốt nghiệp THCS: 61,5 tín chỉ
- Khối lượng các môn học bổ sung khối kiến thức văn hóa (dành cho người đã có bằng tốt nghiệp THCS: 11,5 tín chỉ
 - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
 - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 915 giờ
 - Khối lượng lý thuyết: 399 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 731 giờ
 - Thi/Kiểm tra: 40 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
MH 04	Giáo dục Thể chất	1	30	4	24	2
MH 05	Giáo dục QP – AN	2	45	21	21	3
MH 06	Tin học	2	45	15	29	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	6	180	36	138	6
MH 07	Ngữ âm	2	60	12	46	2
MH 08	Ngữ pháp	2	60	12	46	2
MH 09	Từ vựng	2	60	12	46	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	24	660	120	522	18
MĐ 10	Kỹ năng Nghe 1	3	60	28	30	2
MĐ 11	Kỹ năng Nghe 2	3	60	28	30	2
MĐ 12	Kỹ năng Nói 1	3	60	28	30	2
MĐ 13	Kỹ năng Nói 2	3	60	28	30	2
MĐ 14	Kỹ năng Đọc 1	3	60	28	30	2

MĐ 15	Kỹ năng Đọc 2	3	60	28	30	2
MĐ 16	Kỹ năng Viết 1	3	60	28	30	2
MĐ 17	Kỹ năng Viết 2	3	60	28	30	2
MĐ 18	Thực hành nghề nghiệp	4	180	0	178	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	4	75	45	27	3
MĐ 19	Tiếng Trung Thương mại	4	75	45	27	3
MĐ 20	Tiếng Trung Du lịch	4	75	45	27	3
	Tổng cộng	50	1170	399	731	40

Khối kiến thức văn hóa bổ trợ dành riêng cho đối tượng có bằng tốt nghiệp THCS:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ
MH VH01	Ngữ văn	6,5	206
MH VH02	Lịch sử	2,5	80
MH VH03	Địa lý	2,5	80
	Tổng cộng	11,5	366

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn văn hóa bổ trợ: dành riêng cho người học tốt nghiệp THCS để có đủ kiến thức cơ bản học tiếp các môn học, mô đun nghề nghiệp; thực hiện theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông lớp 10, lớp 11 kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện. Người học có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin được miễn học, miễn thi môn Tin học, người học có chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3/6 trở lên được miễn học, miễn thi môn Tiếng Anh.

4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế Nhà trường bố trí cho học sinh đi tham quan một số địa danh cách mạng, các di tích lịch sử,... nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu tổ quốc và tham gia các hoạt động của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh cụ thể như sau:

+ Hoạt động thư viện: Tất cả các ngày làm việc trong tuần, ngoài giờ học

học sinh có thể đến thư viện đọc sách, tham khảo tài liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu

+ Hoạt động Văn hóa văn nghệ: 1 buổi/2 tuần vào ngày nghỉ cuối tuần

+ Hoạt động TDTT: 2 buổi/tuần từ 17h00 đến 19h00

+ Tổ chức giao lưu VHVN, TDTT với địa phương và các đơn vị bạn giao cho BCH Đoàn trường tổ chức nhân các ngày Lễ và các sự kiện

+ Đi thực tế: Giáo viên bố trí theo yêu cầu môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Các môn học, mô đun khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả

+ Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

+ Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô – đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

4.5. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo đối với từng đối tượng.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận, làm điều kiện xét tốt nghiệp./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTĐ&XH (để báo cáo);

- Lưu VT, ĐT.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Kiến Thiết